

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04/01/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ.
2. Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Lâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị L**, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: TDP Sa Long, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: **Anh Ngô Văn B**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: TDP Sa Long, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn chị L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn cùng anh Ngô Văn B đăng ký kết hôn ngày 19/12/2002 tại UBND xã Đức Thắng (nay là thị trấn Thắng), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh B làm dâu ngày, vợ chồng chung sống với gia đình anh B được khoảng 13 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ ngoại tình và thường

xuyên cờ bạc, dẫn đến thường xuyên bất hòa cãi vã nhau. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2016 đến nay. Hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Ngô Văn B.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Tuấn Khanh, sinh ngày 22/8/2003 và Ngô Bảo Yên, sinh ngày 15/12/2007. Hiện nay cháu Khanh đã trưởng thành, cháu Yên đang sinh sống ở cùng với anh B từ năm 2016 đến nay.

Ly hôn chị L tiếp tục để cháu Yên tiếp tục sinh sống ở cùng anh B.

+ Về tài sản, công nợ, nhà đất, ruộng canh tác chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Ngô Văn B trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Để có cơ sở hợp pháp giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của mẹ anh B là bà Nguyễn Thị Hồi là người sống cùng anh B. Tại biên bản xác minh ngày 11/8/2022 bà Nguyễn Thị Hồi, sinh năm 1963 cho biết: Hiện nay anh B không có nhà, anh B vẫn ở cùng bà và đi làm vài ba ngày với về. Anh B đã được bà giao các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh B không có ý kiến gì. Ngoài ra bà Hồi cho biết sau khi hai vợ chồng mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau nhiều lần sau đó chị L về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay. Từ đó đến nay chị L không về nhà bà chung sống cùng anh B, vì vậy bà thấy khả năng đoàn tụ giữ hai vợ chồng không còn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng chị L, anh B ly hôn.

Tại biên bản xác minh tại Tổ trưởng tổ dân phố Sa Long cũng xác định vợ chồng chị L, anh B thời điểm chung sống với nhau thường xuyên đánh cãi chửi nhau, năm 2016 hai vợ chồng ly thân, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở. Đối với anh B thì thường xuyên đi làm ăn, vài ba ngày mới về nhà một lần.

Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Ngô Văn B. Về con chung chị tiếp tục đề nghị giao cháu Ngô B Yên cho anh B tiếp tục nuôi cháu. Về tài sản chung, công nợ, công sức, nhà đất, ruộng canh tác chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, việc chấp hành của bị đơn là không đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh Ngô Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Bảo Yến, sinh ngày 15/12/2007 cho anh Ngô Văn B trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét đến khi đương sự có yêu cầu. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí lý hôn sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Ngô Văn B có nơi cư trú tại TDP Sa Long, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa được Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ngô Văn B được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không có lời khai và không đến các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 207; Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm sau anh B tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ngô Văn B có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Thắng (nay là thị trấn Thắng) ngày 19/12/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật B vệ. Sau khi kết hôn chị L, anh B chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau do chị L nghi ngờ anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị Hồi là mẹ đẻ anh B và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại TDP Sa Long, UBND thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa xét thấy thấy phù hợp với lời trình bày của chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị L và anh B đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, do vậy tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống

chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì, có thể thấy anh B không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L, anh B có 02 con chung là Ngô Tuấn Khanh, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2003 và Ngô B Yên, sinh ngày 15/12/2007. Hiện nay cháu Khanh đã trưởng thành chị L không yêu cầu giải xem xét. Đối với cháu Yên, chị L đề nghị để anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của cháu Yên, cháu xác định ở với anh B từ năm 2016 đến nay, nay cháu đề nghị được ở với anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy anh B hiện đang có chỗ ở ổn định, có công việc làm ổn định, có điều kiện nuôi con từ năm 2016 đến nay, mặt khác cháu Yên có lời khai xác định là mong muốn ở với anh B. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu và tạo điều kiện thuận lợi cho anh B khi nuôi con, nên cần giao cháu Yên cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo cuộc sống của cháu khi ly hôn và phù hợp với các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chị L được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở chị Huyền thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh B không có ý kiến gì do vậy không đặt ra xem xét giải quyết cho đến khi anh B có yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ở, nhà ở, ruộng canh tác: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí do vậy phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh B được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn với anh Ngô Văn B.
 +) Về con chung: Giao cho anh Ngô Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Bảo Yến, sinh ngày 15/12/2007.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Huyền thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008249 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

- Báo cho nguyên đơn chị L có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn anh Ngô Văn B vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa;
- Lưu: HS+VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tuấn